

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/DS-ST.

Ngày: 23/8/2022

V/v: “*Tranh chấp về thực hiện
nghĩa vụ dân sự*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Dung

2. Ông: Tô Đình Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 - Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-DS ngày 23/11/2021 về: “*Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ dân sự*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-DS ngày 13/7/2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ Nh, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà X – đường Phạm Văn Đ – phường Nhơn Th, thị xã An Nh, tỉnh Bình Định.

-Bị đơn: Ông Đặng Văn L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Phú G, xã Cát T, huyện Ph- C, tỉnh Bình Định.

(*Nay bà Nh có mặt, ông L vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2021, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay – Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ Nh trình bày:*

Từ chỗ quen biết, tin tưởng, năm 2020 bà Nh có cho ông Đặng Văn L ở thôn Phú G, xã Cát T, huyện Ph- C vay tiền 05 lần, tổng số tiền vay 800.000.000 đồng, cụ thể số tiền từng lần vay như sau:

- + Ngày 11/03/2020 âm lịch vay 150.000.000 đồng.
- + Ngày 13/03/2020 âm lịch vay 150.000.000 đồng.
- + Ngày 25/4/2020 âm lịch vay 200.000.000 đồng.
- + Ngày 11/5/2020 âm lịch vay 115.000.000 đồng .
- + Ngày 15/8/2020 âm lịch vay 185.000.000 đồng

Thời hạn vay của từng lần vay là 06 tháng ông L sẽ trả lại số tiền vay. Mỗi lần vay ông L đều viết giấy mượn tiền và ký tên, 05 giấy mượn tiền (bản gốc) ông L ký bà Nh đã giao nộp cho Tòa. Mục đích vay: Theo ông L trình bày để làm vốn mua bán cây cảnh. Lãi suất vay: Tuy trong giấy mượn tiền không ghi lãi vay nhưng thực tế lãi suất vay hai bên thỏa thuận 2%/tháng (100.000.000 đồng gốc vay ông L phải trả cho bà 2.000.000 đồng lãi /tháng). Vay không có thế chấp tài sản.

Lãi 05 lần vay ông L đã trả cho bà đến tháng 03/2021 dương lịch, từ tháng 04/2021 dương lịch đến nay ông L chưa trả. 800.000.000 đồng gốc vay đến nay ông L còn nợ. Nhiều lần bà yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền nợ gốc và lãi vay nhưng ông L cố tình không trả nên bà gửi đơn khởi kiện đến Tòa án. Nay tại Tòa bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L phải trả cho bà 800.000.000 đồng gốc vay còn nợ, đồng thời yêu cầu ông L phải trả lãi vay cho bà từ tháng 04/2021 dương lịch trở đi cho đến khi nào trả hết số tiền gốc vay còn nợ, với lãi suất yêu cầu phải trả theo mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước cho vay.

**Tại bản khai, biên bản lấy lời khai đương sự Đặng Văn L ngày 13/7/2022, biên bản phiên họp và biên bản hòa giải ngày 13/7/2022 - Bị đơn ông Đặng Văn L trình bày:*

Ông L thừa nhận hiện nay có nợ tiền gốc vay của bà Nh nhưng chỉ nợ 160.000.000 đồng, không phải nợ 800.000.000 đồng như bà Nh trình bày.

Cụ thể, năm 2018, 2019 ông L có vay tiền bà Nguyễn Thị Lệ Nh trú ở phường Nhơn Th, thị xã An - Nh, tỉnh Bình Định 03 lần. Số tiền từng lần vay như sau:

- + Tháng 12/2018 vay 70.000.000 đồng, không nhớ ngày vay cụ thể.
- + Năm 2019 vay 02 lần, 01 lần vay 50.000.000 đồng, 01 lần vay 40.000.000 đồng, ông không nhớ cụ thể ngày, tháng của từng lần vay.

Tổng số tiền 03 lần vay là 160.000.000 đồng. Các lần vay đều không viết giấy. Mục đích vay tiền để ông làm vốn mua bán cây cảnh. Ông thừa nhận hiện nay ông còn nợ bà Nh 160.000.000 đồng gốc vay. Nay bà Nh khởi kiện đòi nợ, ông

chỉ chấp nhận trả cho bà Nh 160.000.000 đồng gốc vay còn nợ, không chấp nhận trả 800.000.000 đồng theo yêu cầu bà Nh.

Ông L thừa nhận 05 “Giấy mượn tiền” do bà Nh giao nộp cho Tòa, chữ ký “L”, “Đặng Văn L” ở mục Người mượn ký tên trong 05 giấy này chính ông L ký, nội dung trong 05 giấy mượn tiền nói trên do bà Nh ghi sẵn, bắt ông ký, do ông sợ bà Nh la ó, vì sĩ diện nên ông ký, thực tế ông không phải vay số tiền 800.000.000 đồng như trong các giấy mượn tiền bà Nh xuất trình, số tiền trong các giấy mượn tiền bà Nh đã cộng lãi chồng lãi bắt ông ký. Ông chỉ thừa nhận hiện nay ông còn nợ bà Nh 160.000.000 đồng gốc vay, ông chấp nhận trả số tiền này.

-Về lãi vay: Hai bên thỏa thuận ông L phải trả: Cứ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) gốc vay một ngày ông phải trả cho bà Nh 7.000 đồng lãi. 10 ngày trả lãi 01 lần. Lãi vay ông đã trả cho bà Nh đến tháng 03/2021 dương lịch, từ tháng 04/2021 dương lịch đến nay ông chưa trả lãi, khi trả lãi không viết giấy. Nay ông L xin không phải trả lãi nữa, vì điều kiện kinh tế ông hiện rất khó khăn, làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả lãi nữa.

**Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Tòa thu thập được gồm có:*

+Giấy chứng minh của bà Nguyễn Thị Lệ Nh (bản sao); sổ hộ khẩu của hộ bà Nguyễn Thị Lệ Nh (bản sao); 05 “Giấy mượn tiền” ghi tên người mượn Đặng Văn L đề các ngày 11/03/2020 âm lịch, 13/03/2020 âm lịch, 25/4/2020 âm lịch, 11/5/2020 âm lịch, 15/8/2020 âm lịch (bản chính) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận (Viết tắt: HĐXX) định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nh yêu cầu bị đơn ông L thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc vay 800.000.000 đồng hiện nay còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trên cơ sở sự thừa nhận của ông L về 05 “Giấy mượn tiền” đề các ngày 11/03/2020 âm lịch, 13/03/2020 âm lịch, 25/4/2020 âm lịch, 11/5/2020 âm lịch, 15/8/2020 âm lịch (bản chính) đều ghi tên người mượn Đặng Văn L do bà Nh giao nộp cho Tòa– ông L thừa nhận 05 giấy mượn tiền này đều chính tay ông L ký và trên cơ sở đối chiếu lời khai của các bên trình bày. HĐXX đủ cơ sở khẳng định trong năm 2020 ông L có vay tiền của bà Nh 05 lần, số tiền từng lần vay đúng như lời bà Nh trình bày. Cụ thể:

- + Ngày 11/03/2020 âm lịch vay 150.000.000 đồng.
- + Ngày 13/03/2020 âm lịch vay 150.000.000 đồng.
- + Ngày 25/4/2020 âm lịch vay 200.000.000 đồng.

+ Ngày 11/5/2020 âm lịch vay 115.000.000 đồng .

+ Ngày 15/8/2020 âm lịch vay 185.000.000 đồng

Tổng số tiền gốc vay của 05 lần vay 800.000.000 đồng đến nay ông L chưa trả cho bà Nh là có căn cứ.

HĐXX xét quan hệ pháp luật mà các bên đang tranh chấp là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự” trả tiền xuất phát từ giao dịch dân sự giữa hai bên thiết lập là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. 05 “Hợp đồng vay tài sản” giữa bà Nh– ông L xác lập đều có đủ điều kiện có hiệu lực của một giao dịch dân sự được quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ khi ký kết giao dịch. 05 “Hợp đồng vay tài sản” do bà Nh, ông L xác lập đều là hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn và có lãi, kỳ hạn vay của mỗi hợp đồng đều 06 tháng. Sau khi ký kết hợp đồng, bà Nh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay, đã giao tiền cho ông L đúng số tiền cho vay như hai bên đã ký kết trong từng hợp đồng, nhưng khi đến hạn trả nợ ông L không trả hết số tiền gốc và lãi vay cho bà Nh là ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, hành vi này của ông L là hành vi có lỗi, đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nh. Xét yêu cầu của bà Nh yêu cầu ông L phải thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền gốc vay 800.000.000 đồng hiện nay còn nợ cho bà là yêu cầu có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông L phải trả cho bà Nh 800.000.000 đồng gốc vay hiện còn nợ.

[2]Xét yêu cầu của bà Nh yêu cầu ông L trả lãi vay còn nợ trên số tiền nợ gốc từ tháng 04/2021 dương lịch trở đi, trả đến khi nào ông L trả hết số tiền gốc vay còn nợ, lãi suất yêu cầu phải trả theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước cho vay.

HĐXX thấy rằng đối với lãi vay của 05 hợp đồng vay, bà Nh, ông L đều thống nhất xác định ông L đã trả lãi cho bà Nh đến tháng 03/2021 dương lịch, từ tháng 04/2021 đến nay chưa trả.

05 Hợp đồng vay các bên xác lập đều là Hợp đồng vay có kỳ hạn dưới 12 tháng, có lãi được quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Về mức lãi suất cho vay hai bên trình bày không thống nhất, tuy nhiên bà Nh yêu cầu ông L phải tiếp tục trả lãi cho bà đối với khoản tiền gốc vay chưa trả theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước cho vay, yêu cầu này của bà Nh phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (quy định về lãi suất cho vay) nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với loại Hợp đồng cho vay có kỳ hạn dưới 12 tháng, tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm vụ kiện lãi suất Ngân hàng Nhà nước cho vay là 8,5%/năm (0,708%/tháng). Đến thời điểm Tòa xét xử sơ thẩm vụ kiện: 23/8/2022, ông L còn nợ tiền lãi vay bà Nh 16 tháng 23 ngày.

800.000.000 đồng gốc vay x 0,708%/tháng x 16 tháng 23 ngày = 94.966.400 đồng.

Như vậy số tiền lãi vay còn nợ buộc ông L phải trả cho bà Nh từ ngày 01/4/2021 dương lịch đến 23/8/2022 dương lịch (ngày Tòa xét xử sơ thẩm vụ kiện) là 94.966.400 đồng.

Ông L xin không phải trả lãi từ tháng 4/2021 dương lịch trở đi không được bà Nh chấp nhận, yêu cầu này của ông L cũng không phù hợp quy định pháp luật nên cũng không được HĐXX chấp nhận.

[3] Căn cứ quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền;

Kể từ ngày 24/8/2022 dương lịch trở đi buộc ông L còn phải tiếp tục trả lãi cho bà Nh theo mức lãi suất cho vay do Ngân hàng Nhà nước quy định (8,5%/năm) đối với số tiền gốc chưa trả, trả lãi đến khi nào ông L trả hết số tiền gốc vay còn nợ cho bà Nh thì thôi.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Buộc ông L phải nộp 38.848.992 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát hoàn trả lại cho bà Nh 18.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí khởi kiện do bà Nh tạm ứng nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011225 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đúng theo qui định của pháp luật.

-Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị hướng giải quyết nội dung vụ án phù hợp với hướng nhận định của HĐXX nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng các Điều: 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi nợ của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ Nh đối với bị đơn ông Đặng Văn L.

2. Buộc ông L phải trả cho bà Nh 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*) gốc vay còn nợ.

3. Buộc ông L phải trả cho bà Nh số tiền lãi vay còn nợ tính đến ngày 23/8/2022 (ngày Tòa xét xử sơ thẩm vụ kiện) với số tiền phải trả: 94.966.400 đồng (*Chín mươi tư triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*).

4. Buộc ông L còn phải tiếp tục trả lãi cho bà Nh từ ngày 24/8/2022 dương lịch trở đi theo mức lãi suất cho vay do Ngân hàng Nhà nước quy định (8,5%/năm) đối với số tiền gốc chưa trả, trả lãi đến khi nào ông L trả hết số tiền gốc vay còn nợ cho bà Nh thì thôi.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông L phải nộp 38.848.992 đồng (*Ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm chín mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát hoàn trả lại cho bà Nh 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí khởi kiện do bà Nh tạm ứng nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011225 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nh có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông L vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Cát T nơi ông L cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phù Cát;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND tỉnh Bình Định;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*-Chi cục T.H.A ds huyện Phù Cát;
-Lưu hồ sơ, lưu án văn.*

Lê Thị Diệp